

58. XÃ THANH BÌNH

STT	Tên Đường	Đoạn Đường		Giá đất ở
		Từ	Đến	
1	Đường Lê Văn Nhung	Ranh xã Tân Thạnh	Cầu Đốc Vàng Hạ	4.000
		Cầu Đốc Vàng Hạ	Đường 30 tháng 4	8.000
		Đường 30 tháng 4	Cổng Trung tâm Viễn Thông	16.000
		Cổng Trung tâm Viễn Thông	Cầu Xẻo Miếu	9.000
		Cầu Xẻo Miếu	Ranh chợ Nông Sản (phía dưới)	4.800
		Ranh chợ Nông Sản (phía dưới)	Ranh xã Bình Thành	3.000
2	Đường Võ Văn Kiệt	Đường Nguyễn Huệ	Đường Lê Văn Nhung	3.600
		Đường Lê Văn Nhung	Đường Nguyễn Văn Biều	4.600
		Đường Nguyễn Văn Biều	Ranh xã Tràm Chim (trừ đoạn Bưu điện Tân Mỹ - cầu Tân Mỹ phía từ lộ nhựa trở vào chợ tính theo giá đất chợ Tân Mỹ)	2.000
3	Đường Nguyễn Văn Trỗi	Cầu Huyện Ủy	Đường Lê Văn Nhung (trừ đoạn khu dân cư kênh Nhà thương)	1.600
4	Đường Xẻo Miếu	Cầu Huyện Ủy	Đường Lê Văn Nhung	3.200
5	Đường 30 tháng 4	Đường Lê Văn Nhung	Đường Nguyễn Huệ	4.400



STT	Tên Đường	Đoạn Đường		Giá đất ở
		Từ	Đến	
6	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Đốc Binh Vàng	Đường 30 tháng 4	2.200
7	Đường Phan Văn Túy	Đường Đốc Binh Vàng	Đường Hai Bà Trưng	4.800
8	Đường Lý Thường Kiệt	Đường Đốc Binh Vàng	Đường 30 tháng 4	10.800
		Đường Đốc Binh Vàng	Nhà tập thể bưu điện	3.000
		Nhà tập thể bưu điện	Đường Lê Văn Nhung	2.400
9	Đường Hai Bà Trưng	Đường 3 tháng 2	Đường Trần Hưng Đạo	5.600
10	Đường Nguyễn Huệ	Cầu Phú Mỹ	Đường Lê Văn Nhung (Đường Khu TDC trung tâm nông sản huyện Thanh Bình)	2.400
		Cầu Phú Mỹ	Đường Lê Văn Nhung	2.700
		Đường Lê Văn Nhung	Cầu Cái Tre	1.800
11	Đường 3 tháng 2	Đường Đốc Binh Vàng	Đường 30 tháng 4	5.600
12	Đường Đốc Binh Vàng	Đường Lê Văn Nhung	Cầu Trần Văn Năng	18.000
		Cầu Trần Văn Năng	Cầu Dinh Ông	6.000
13	Đường Cụm dân cư 256	Đường Lê Văn Nhung	Đường Nguyễn Huệ	2.400
14	Đường Cồn Phú Mỹ	Toàn tuyến		1.800
15	Đường nội bộ khu 42 căn phố	Toàn tuyến		7.800
16	Khu Lồng Hồ Thanh Bình	Đường Phan Văn Túy nối dài	Toàn tuyến	7.000

STT	Tên Đường	Đoạn Đường		Giá đất ở
		Từ	Đến	
		Đường Lý Thường Kiệt nối dài	Toàn tuyến	10.600
		Đường 3 tháng 2 nối dài	Toàn tuyến	7.000
		Đường số 1, 4, 5 theo bản đồ quy hoạch Cụm dân cư Lòng Hồ	Toàn tuyến	6.000
		Cuối Đường số 3	Đường 3 tháng 2	6.000
17	Khu Thương Mại Thanh Bình	Đường Số 1, 4, 6 theo bản đồ quy hoạch khu Thương mại	Toàn tuyến	7.200
		Đường Số 5, 7 theo bản đồ quy hoạch khu Thương mại	Toàn tuyến	2.400
		Đường Số 2 theo bản đồ quy hoạch khu Thương mại	Toàn tuyến	3.600
		Đường Số 3 theo bản đồ quy hoạch khu Thương Mại	Toàn tuyến	4.800
18	Đường Nguyễn Văn Biều (Phòng Biểu)	Đường Lê Văn Nhung	Đường Võ Văn Kiệt	1.600
		Đường Võ Văn Kiệt	Đường Đốc Vàng Hạ	1.800
19	Đường Nguyễn Ngọc Cam	Toàn tuyến		5.200
20	Đường Trương Thị Y	Đường Lê Văn Nhung	Đường Đốc Vàng Hạ	1.600



109

STT	Tên Đường	Đoạn Đường		Giá đất ở
		Từ	Đến	
21	Đường từ Đường Trương Thị Y đến Đường Nguyễn Huệ	Toàn tuyến		2.000
22	Đường Cà Tre	Đường Lê Văn Nhung	Kênh 2 tháng 9	2.000
23	Đường Trần Thị Nhượng	Đường Nguyễn Văn Trỗi	Đường Khôi Vận	2.000
24	Đường Trà Bông	Bờ Bắc (Lê Văn Nhung - Cầu Đình)	Toàn tuyến	2.000
		Bờ Nam (Lê Văn Nhung - Cầu Đình)	Toàn tuyến	2.000
25	Đường Đốc Vàng hạ Bờ Đông, Bờ Tây	Đường Lê Văn Nhung	Cầu kênh Đốc Vàng Hạ (giáp Đường Nguyễn Văn Biều)	2.000
26	Các Đường còn lại trong nội ô thị trấn Thanh Bình chưa đặt tên	Toàn tuyến		2.000
27	Các Đường còn lại trong phạm vi thị trấn Thanh Bình cũ	Toàn tuyến		1.000
28	Chợ Tân Mỹ	Toàn tuyến		3.200
29	Chợ Tân Phú	Toàn tuyến		1.800
30	Cụm dân cư Tân Mỹ	Toàn khu		2.000
31	Đường Đốc Vàng Thượng - 2 bờ	Cầu Dinh Ông	Ranh xã Tân Thạnh	600
32	Đường Đốc Vàng Hạ - 2 bờ	Cầu kênh Đốc Vàng Hạ (giáp Đường Nguyễn Văn Biều)	Kênh Kháng Chiến	800



109

STT	Tên Đường	Đoạn Đường		Giá đất ở
		Từ	Đến	
33	Đường Trần Văn Năng	Cầu Dinh Ông	Bến đò Chợ Thủ	2.400
34	Đường kênh An Phong - Mỹ Hòa bờ Bắc ấp 3	Đường Võ Văn Kiệt	Kênh giữa giáp Bình Thành	1.000
35	Đường Kênh Đốc Vàng Hạ bờ Tây ấp 2	Kênh Kháng Chiến	Kênh An Phong- Mỹ Hòa	1.000
36	Đường kênh Kháng chiến bờ Bắc ấp 1	Đường Võ Văn Kiệt	Kênh Cả Tre	1.000
37	Đường kênh An Phong - Mỹ Hòa bờ Nam	Ranh xã Tân Thạnh	Kênh Đốc vàng Hạ	1.000
38	Đường kênh Giữa ấp 1	Kênh An Phong- Mỹ Hoà	Kênh Kháng Chiến	1.000
39	Đường kênh An Phong - Mỹ Hòa bờ Nam ấp 1	Đường Võ Văn Kiệt	Kênh giữa giáp Bình Thành	1.000
40	Đường kênh Đốc Vàng Hạ bờ Đông Ấp 1	Kênh Kháng Chiến	Kênh An Phong - Mỹ Hoà	1.000
41	Đường kênh Kháng chiến bờ Nam ấp Tân Hòa B	Đường Võ Văn Kiệt	Kênh Cả Tre	1.200
42	Khu TĐC trung tâm nông sản huyện Thanh Bình	Toàn khu		2.400
43	Đường Nguyễn Huệ	Nhánh rẽ cặp kênh Mương Lớn: Đường Nguyễn Huệ	Đường Lê Văn Nhung	1.800
44	Đường kênh An Phong - Mỹ Hòa bờ Bắc	Kênh Thống Nhất	Kênh Đốc vàng Hạ	800
45	Đường kênh Cái Tre	Kênh 2 tháng 9	Kênh Kháng Chiến	800



169

STT	Tên Đường	Đoạn Đường		Giá đất ở
		Từ	Đến	
46	Đường kênh Đốc Vàng Hạ - 2 bờ	Kênh An Phong - Mỹ Hoà	Kênh Ruột Ngựa	800
47	Đường kênh Kháng chiến bờ Nam ấp Tân Hòa A	Ranh xã Tân Thạnh	Kênh Đốc Vàng Hạ	800
48	Đường kênh Kháng chiến bờ Bắc ấp 2	Ranh xã Tân Thạnh	Kênh Đốc vàng Hạ	800
49	Đường kênh 2 tháng 9 (đoạn từ Đường rạch Đốc Vàng Hạ - Đường Võ Văn Kiệt, thuộc Dự án Đường kênh 2/9)	Kênh Đường Gạo (Đường Võ Văn Kiệt)	Kênh ranh Phong Mỹ (Đường kênh Đốc Vàng Hạ)	1.200
50	Đường kênh 2 tháng 9 bờ Nam	Đường Võ Văn Kiệt	Đường Cái Tre - giáp ranh xã Bình Thành	1.000
		Đường Võ Văn Kiệt	Đường kênh Đốc Vàng Hạ	1.000
51	Đường kênh 2 tháng 9 bờ Bắc	Cụm chợ Tân Phú	Đường kênh Đốc Vàng Hạ	1.000
52	Đường kênh 2 tháng 9 bờ Bắc, ấp Tân Hòa A	Ranh xã Tân Thạnh	Đường kênh Đốc Vàng Hạ	1.000
53	Đường kênh 2 tháng 9 bờ Nam, ấp Thuận A	Ranh xã Tân Thạnh	Đường kênh Đốc Vàng Hạ	800